TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 -01-2023
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Bà Võ Thị Điệp;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị P,** năm sinh 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Võ Văn H,** sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1998, chị P và anh H được cha mẹ hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2019 đến nay, anh H thường xuyên dùng lời lẽ nặng nề và thô tục và đánh chị P. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 28/5/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị P yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 03/8/1999 và Võ Khánh D, sinh ngày 04/12/2004. Khi ly hôn, 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 thửa đất: thửa số 941, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.123m^2, loại đất trồng cây lâu năm, trị giá 400.000.000 đồng và thửa số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.543m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn và 3.143m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 600.000.000 đồng.

Tổng cộng 5.666m^2 đất trị giá 1.000.000.000 đồng.

Nay chị P yêu cầu được chia tài sản chung và xin được nhận một nữa số tài sản chung là 500.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị P rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến ngày 12/12/2022, anh Võ Văn H là bị đơn trình bày:

Vào năm 1998, anh H và chị P được cha mẹ hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2019 đến nay, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 28/5/2019 cho đến nay. Trong lúc xảy ra mâu thuẫn anh H có lúc nóng giận có đánh chị P bằng tay. Sau đó có xin lỗi và năn nỉ chị P. Anh H và chị P quen nhau hơn 04 năm và làm đám cưới đã 23 năm, nay anh H còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 03/8/1999 và Võ Khánh D, sinh ngày 04/12/2004. Khi ly hôn, 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Đơn xác nhận nơi cư trú (Bản chính).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo).

- Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Thị L (Bản photo).

- Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn P (Bản photo).

- Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị P (bản photo).

- Giấy khai sinh tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 03/8/1999 (Bản sao).

- Giấy khai sinh tên Võ Khánh D, sinh ngày 04/12/2004 (Bản sao).

- Công văn 7184/CNVPĐKĐĐHCL-CCTT ngày 30/5/2022 và Trích lục bản đồ địa chính thửa 941, 47 (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn"*.

Anh Võ Văn H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn H là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị P và anh Võ Văn H tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị P và anh H đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*"; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*". Do chị P và anh H không đăng ký kết hôn nên khi chị P xin ly hôn Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người; vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Võ Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 03/8/1999 và Võ Khánh D, sinh ngày 04/12/2004. Khi ly hôn, 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Do anh H không có yêu cầu, bên cạnh đó chị P có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị P về tài sản chung, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Chị P và anh H cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Võ Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 03/8/1999 và Võ Khánh D, sinh ngày 04/12/2004. Khi ly hôn, 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009874 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh